

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 307/2024/HSPT
Ngày: 10-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trung.

Các thẩm phán: Ông Vũ Hồng Luyện.

Bà Trần Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Tuấn Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thuỳ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 183/2024/TLPT-HS ngày 06 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 289/2024/QĐXXPT-HS ngày 20 tháng 6 năm 2024.

Do có kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Minh T** đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2024/HS-ST ngày 13-3-2024 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Minh T** (tên gọi khác: không), sinh ngày 16 tháng 4 năm 1986 tại Đồng Nai.

Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: **ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.**

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 3/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không.

Con ông **Nguyễn Minh T1**, sinh năm: 1949 và bà **Lê Thị H**, sinh năm 1962. Có vợ tên **Trần Thị N**, sinh năm 1981; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Ngoài ra, trong vụ án còn có một số bị cáo khác nhưng không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

Bị cáo có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 07/2023, giữa Nguyễn Xuân C và Leong Vĩnh Q, sinh năm 1999, trú tại ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai xảy ra mâu thuẫn trên mạng xã hội Facebook nên Q nói với D Dừng S, sinh năm 1994, trú tại ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai để nhờ S giải quyết mâu thuẫn với C thì S đồng ý. Đến khoảng 19 giờ ngày 06/8/2023, D Dừng S gọi điện thoại cho C để hẹn đánh nhau tại xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai thì C đồng ý. Sau đó, S gọi điện thoại lại cho C để hẹn đánh nhau với C tại ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai nhưng S không đến. C lo sợ bị S đến đánh nên C kể chuyện S đe dọa đánh C cho Thổ K, Thổ T2 nghe và nhờ K, T2 giúp đánh nhau với nhóm của S thì K và T2 đồng ý. Do S không đến đánh nhau như đã hẹn nên C, T2, K đến huyện T, tỉnh Đồng Nai để ăn nhậu cùng với Đặng Văn P. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, S tiếp tục gọi điện thoại cho C thách thức đánh nhau và thống nhất gặp nhau vào lúc 08 giờ ngày 07/8/2023 đến khu vực nghĩa trang xã X thuộc ấp B, xã X huyện X, tỉnh Đồng Nai để nói chuyện giải quyết mâu thuẫn. C nhờ T2, K, P giúp C tham gia đánh nhau với S thì tất cả đồng ý.

Theo như thỏa thuận từ trước, vào khoảng 07 giờ ngày 07/8/2023, C điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu đen, biển số 60H5-252.39 chở T2, K đến quán cà phê "Thời Gian" thuộc xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai để gặp P. Khi đến nơi, C gọi điện thoại cho Bùi Văn A rủ đến quán cà phê "Thời Gian" và nhờ Anh giúp đánh nhau với nhóm của S thì A đồng ý. Sau đó, P đến và đem theo 01 con dao tự chế, cán kim loại quấn vải màu xanh dài 14cm, lưỡi dao dài 45cm, được giấu trong áo khoác. P nói với C thuê 01 xe ô tô để thuận tiện cho việc mang hung khí để đánh nhau thì C đồng ý. P gọi điện thoại cho Q1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) nhờ thuê xe đến quán cà phê "Thời Gian" để cho P đi công việc thì Q1 đồng ý. Q1 thỏa thuận thuê xe ô tô nhãn hiệu Kia Rondo, màu bạc, biển số 60A-729.09 của Nguyễn Minh T. Trong lúc chờ xe ô tô đến đón, C về nhà để chuẩn bị hung khí bao gồm: 01 khẩu súng ổ quay, loại giống Rulo, màu đen, trong ổ đạn còn lại 05 viên đạn chưa sử dụng do C1 đặt mua trên mạng xã hội Youtube; 05 dao tự chế (loại mã tấu) do C đặt mua trên mạng xã hội Facebook. Sau đó, T điều khiển xe ô tô biển số 60A-729.09 đến đứng trước quán cà phê "Thời Gian" thì P đến hỏi có phải xe ô tô do Q1 thuê không" thì T xác nhận đúng nên T2, K, A, P lên xe ô tô và hướng dẫn T điều khiển xe ô tô đến nhà C thuộc ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai để đón C. Khi đến nơi, P để mã tấu tại sàn xe (vị trí P ngồi hàng ghế giữa), C lấy tại nhà 01 khẩu súng ổ quay, loại giống Rulo, màu đen, trong ổ đạn còn lại 05 viên đạn chưa sử dụng cất giấu trong áo khoác, 05 dao tự chế, gồm: 01 con dao tự chế, cán kim loại dài 45cm, lưỡi dao dài 41 cm; 01 con dao tự chế, cán kim loại dài 19cm, lưỡi dao dài 56cm; 02 con dao tự chế, cán kim loại dài 22, lưỡi dao dài 56cm; 01 con dao tự chế, cán gỗ dài 14cm, lưỡi dao dài 45cm cầm trên tay đến phía sau xe ô tô và yêu cầu T mở cốp xe lên. T xuống xe đến mở cốp xe lên để C đưa 05 dao tự chế vào trong cốp xe nên T biết nhóm của P thuê xe của T để đi đánh nhau. C đưa 01 khẩu súng cho Phong cầm và P hỏi T: "Tụi tôi đi giải quyết mâu thuẫn, anh có dám chở tụi tôi đi không?" thì T trả lời: "Chơi lớn vậy hả, anh chỉ kiếm chén cơm thôi, anh chở tụi em đến rồi đi về, khi nào xong thì gọi điện thoại anh đến đón". Trên xe, P nói với cả nhóm chia nhau mỗi người cầm sẵn 01 dao tự chế để khi gặp nhóm S đến thì chém luôn. C lấy

dao tự chế đưa cho P, Khang T3, A, riêng C giữ 02 dao tự chế. Sau đó, trước mặt T3, K, Anh thì P đưa lại khẩu súng cho C và nói: "Em cầm dao chém được rồi".

Khi đến khu vực nghĩa trang xã X, do chưa thấy nhóm của S đến nên P yêu cầu T lái xe ra hướng Quốc lộ A đến cây xăng Ông Đ 1 để tìm nhóm S nhưng không thấy nên quay lại nghĩa trang. Lúc này, C, P, K, T3, Anh xuống xe, đem theo súng và số hung khí nêu trên đến cất giấu phía sau 01 ngôi mộ rồi ngồi đợi nhóm của S. Đến khoảng 10 giờ 45 phút cùng ngày, lực lượng Tuần tra 161 của Công an huyện X phối hợp với Công an xã X phát hiện nhóm của C đang tụ tập nên đã tiến hành kiểm tra hành chính. Sợ bị phát hiện C nói Anh đến vị trí cất giấu để lấy khẩu súng cất đi, Anh đến phía sau ngôi mộ lấy 01 khẩu súng có 05 viên đạn cất giấu trong người rồi cùng C, P đi ra đường thì bị phát hiện, bắt quả tang. Cùng lúc này, T điều khiển xe ô tô đến nên T3 và K lên xe ô tô tẩu thoát thì bị Tổ tuần tra truy đuổi bắt giữ.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) khẩu súng côn quay, màu đen, trên súng có ghi chữ "SMITH & WESSON"; 05 (năm) viên đạn thể thao cỡ (5,6 x 15,5)mm có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng, thuộc nhóm vũ khí quân dụng.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo Reno2F, màu xanh thu giữ của Nguyễn Xuân C; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo 5U, màu đen thu giữ của Bùi Văn A; 01 (một) điện thoại di động hiệu S1 A12, màu đen thu giữ của Thổ K. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X đã bàn giao cho Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ để xử lý theo thẩm quyền.

- 01 (một) con dao tự chế, cán kim loại dài 45cm, lưỡi dao dài 41 cm.
- 01 (một) con dao tự chế, cán kim loại dài 19cm, lưỡi dao dài 56cm.
- 02 (hai) con dao tự chế, cán kim loại dài 22, lưỡi dao dài 56cm.
- 01 (một) con dao tự chế, cán gỗ dài 14cm, lưỡi dao dài 45cm.
- 01 (một) con dao tự chế, cán kim loại quấn dây vải màu xanh dài 14cm, lưỡi dao dài 45cm.

* Tại Kết luận giám định số 5302/KL-KTHS ngày 11/8/2023 của Phân viện khoa học hình sự Bộ C2 (C09B) kết luận:

- Khẩu súng gửi giám định (khẩu súng côn quay, màu đen, trên súng có ghi chữ "SMITH & WESSON") là vũ khí được chế tạo thủ công để bắn với nòng cỡ (5,6 x 15,5)mm. Hiện tại súng bắn được đạn nổ. Khẩu súng nêu trên là vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng và thuộc nhóm vũ khí quân dụng.

- 05 (năm) viên đạn gửi giám định là đạn thể thao chưa bắn cỡ (5,6 x 15,5)mm, không phải là vũ khí quân dụng và sử dụng để bắn được cho khẩu súng nêu trên.

- Sử dụng khẩu súng giám định bắn với loại đạn thể thao cỡ (5,6 x 15,5)mm trúng cơ thể người có thể gây thương tích hoặc tử vong.

*** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2024/HS-ST ngày 12-3-2024 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai đã Quyết định:**

Căn cứ vào khoản 6 Điều 134; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Xuân C**, **Đặng Văn P**, **Bùi Văn A**, **Nguyễn Minh T** phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

1. Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Xuân C**: 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án này.

2. Xử phạt: Bị cáo **Đặng Văn P**: 08 (**T4**) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án này.

3. Xử phạt: Bị cáo **Bùi Văn A**: 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án này.

4. Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Minh T**: 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án này.

Căn cứ vào khoản 6 Điều 134; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo **Thổ T2**, **Thổ K** phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

5. Xử phạt: Bị cáo **Thổ T2**: 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ bắt thi hành án nhưng được trừ vào ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/8/2023 đến ngày 10/8/2023.

6. Xử phạt: Bị cáo **Thổ K**: 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ bắt thi hành án nhưng được trừ vào ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/8/2023 đến ngày 10/8/2023.

- Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 25/3/2023, bị cáo **Nguyễn Minh T** kháng cáo, đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt và chuyển sang án treo.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:**

Hành vi của bị cáo **Nguyễn Minh T** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, quy định tại khoản 6 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai xét xử bị cáo **Nguyễn Minh T** tội “Cố ý gây thương tích” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc đã xét xử, tuyên phạt bị cáo mức án 06 (sáu) tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ tham gia của bị cáo và cũng đã xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Minh T**, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 55/2024/HSST ngày 12-3-2024 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị cáo **Nguyễn Minh T** kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Về hành vi phạm tội:

Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng đầu tháng 07/2023, giữa **Nguyễn Xuân C** và **Leong Vĩnh Q**, xảy ra mâu thuẫn trên mạng xã hội Facebook nên **Q** nói với **Diệp D1 S** sang để nhờ **S** giải quyết mâu thuẫn với **C** thì **S** đồng ý. Sau đó, **S** gọi điện thoại cho **C** để hẹn đánh nhau thì **C** đồng ý. Để thực hiện ý định đánh nhau, **C** và **Thổ T2**, **Thổ K**, **Bùi Văn A**, **Đặng Văn P** đã chuẩn bị hung khí bao gồm: 01 khẩu súng ổ quay, loại giống Rulo, màu đen, trong ổ đạn còn lại 05 viên đạn chưa sử dụng do **C** đặt mua trên mạng xã hội Youtube; 06 dao tự chế (loại mã tấu) do **C** đặt mua trên mạng xã hội Facebook. Sau đó, **C** thuê **T** điều khiển xe ô tô biển số 60A-729.09 chở nhóm của **C** đi đánh nhau. Đến khoảng 10 giờ 45 phút cùng ngày, lực lượng Tuần tra 161 của **Công an huyện X** phối hợp với **Công an xã X** phát hiện nhóm của **C** nên đã bắt giữ, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Vật chứng Công an thu giữ, trong đó có:

- 01 (một) khẩu súng côn quay, màu đen, trên súng có ghi chữ "SMITH & WESSON"; 05 (năm) viên đạn thể thao cỡ (5,6 x 15,5)mm có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng, thuộc nhóm vũ khí quân dụng.

- 06 (sáu) con dao tự chế.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Việc các bị cáo chuẩn bị hung khí, vũ khí để đi tìm nhóm của **D** Dùng **S** đánh nhau, mục đích xâm phạm đến sức khỏe của người khác - khách thể được pháp luật bảo vệ, đã vi phạm pháp luật hình sự, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo **Nguyễn Minh T** là người có khả năng nhận thức, biết rõ hành vi chở người khác đi đánh nhau là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, sau khi được nhóm của **C** thuê xe, nhìn thấy vũ khí do nhóm của **C** chuẩn bị và biết rõ nhóm của **C** đang chuẩn bị đi đánh nhau với người khác nhưng **T** không từ chối mà vẫn chở nhóm của **C** đến địa điểm hẹn trước để đánh nhau với nhóm của **Diệp D1 S**. Khi xong việc, **T** sẽ tiếp tục đến địa điểm hẹn trước để đón nhóm của **C** về. Như vậy, cấp sơ thẩm xác định bị cáo **T** là đồng phạm trong vụ án là có căn cứ. Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử bị cáo **Nguyễn Minh T** về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 6 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo, nhận thấy:

Bị cáo **Nguyễn Minh T** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Kèm theo đơn kháng cáo, bị cáo **T** cung cấp các tài liệu, chứng cứ:

Trích lục giấy khai sinh của cháu **Nguyễn Minh Đ1**; Đơn xin trình bày hoàn cảnh (bản chính); Giấy y chứng, giấy ra viện (photo); Biên bản xác nhận tai nạn điện giật (bản sao).

Tại đơn xin trình bày hoàn cảnh, bị cáo trình bày hoàn cảnh khó khăn nhưng chính quyền địa phương chỉ xác nhận bị cáo có đăng ký thường trú tại địa phương, hiện đang nuôi con nhỏ là cháu **Nguyễn Minh Đ1**, sinh ngày 24/7/2017. Ngoài ra, chính quyền địa phương không xác nhận nội dung nào khác.

Xét thấy, căn cứ vào tính chất, mức độ, vai trò tham gia của bị cáo, Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc đã xét xử, tuyên phạt bị cáo mức án 06 (sáu) tháng tù là phù hợp. Bị cáo kháng cáo, cung cấp thêm một số tình tiết mới nhưng đây không phải là một trong các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Khi lượng hình, cấp sơ thẩm cũng đã xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức hình phạt 06 tháng tù đối với bị cáo là phù hợp. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo **Nguyễn Minh T**.

[3] Về án phí HSPT: Do không chấp nhận kháng cáo bị cáo **T** phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Minh T** về việc xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 55/2024/HS-ST ngày 12-3-2024 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

2/ Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Minh T** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào khoản 6 Điều 134; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào cơ sở chấp hành án.

3/ Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Bị cáo **Nguyễn Minh T** phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận::

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Toà án ND H. Xuân Lộc;
- Viện kiểm sát ND H. Xuân Lộc;
- CQCSĐT CA H. Xuân Lộc;
- Phòng hồ sơ – CA tỉnh Đồng Nai;
- CQTHAHS CA H. Xuân Lộc;
- Chi cục THADS H. Xuân Lộc;
- Bị cáo;
- Sở TP tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Trung